Machine Translated by Google

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

PHẦN 1) SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CỦA NHÀ CUNG CẤP

Mã sản phẩm:	Nukote MetalPrime II, Mặt A
Tên sản phẩm:	Nukote MetalPrime II, Mặt A
Ngày sửa đổi:	Ngày 01 tháng 05 năm 2020 Ngày in: 1.0 Ngày 07 tháng 05 năm 2020
Phiên bản:	Ngày thay thế: Không có
Tên nhà sản xuất:	Hệ thống phủ Nukote
Địa chỉ :	2051 Đường Reliance, Bedford, TX 76021
Điện thoại khẩn cấp:	Chemtrec:800-424-9300 (tài khoản: CCN1217) HOẶC Quốc tế:703-527-3887 (tài khoản: CCN1217)
Thông tin Điện thoại:	(832) 770-7100
Fax	(281) 227-0909

Sản phẩm/Công dụng khuyến nghị: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Bảng dữ liệu kỹ thuật của sản phẩm.

PHẦN 2) NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại:

Độc tính cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm lặp lại - Loại 2

Kích ứng da - Loại 2

Chất gây nhạy cảm da - Loại 1

Gây ung thư - Loại 2

Kích ứng mắt - Loại 2

Độc tính mãn tính đối với thủy sinh - Loại 2

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh - Loại 2

Biểu tượng:



Từ tín hiệu:

Cảnh báo

Các tuyên bố nguy hiểm - Sức khỏe:

H373 - Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần.

H315 - Gây kích ứng da

H317 - Có thể gây phản ứng dị ứng da

H351 - Nghi ngờ gây ung thư .

H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Tuyên bố nguy hiểm - Môi trường:

H401 - Độc hại với sinh vật thủy sinh

H411 - Độc hại với sinh vật thủy sinh với tác động lâu dài

Các tuyên bố phòng ngừa - Chung:

P101 - Nếu cần tư vấn y tế, hãy chuẩn bị sẵn nhãn hoặc hộp đựng sản phẩm.

P102 - Để xa tầm tay trẻ em.

P103 - Đọc nhãn trước khi sử dụng.

Machine Translated by Google

Các tuyên bố phòng ngừa - Phòng ngừa:

P273 - Tránh thải ra môi trư ờng.

P260 - Không hít bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P264 - Rửa sạch sau khi xử lý.

P280 - Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

P261 - Tránh hít phải bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P272 - Không đư ợc phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơ i làm việc.

P201 - Xin hư ớng dẫn đặc biệt trư ớc khi sử dụng.

P202 - Không đư ợc sử dụng cho đến khi đã đọc và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn.

Các tuyên bố phòng ngừa - Phản hồi:

P391 - Thu gom chất tràn.

P314 - Nhận tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng nhiều nư ớc.

P321 - Điều trị đặc hiệu (xem phần 4 trên SDS này).

P332 + P313 - Nếu bị kích ứng da: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Và giặt sạch trư ớc khi sử dụng lại.

P333 + P313 - Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P308 + P313 - NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P305 + P351 + P338 - NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nư ớc trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P337 + P313 - Nếu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Tìm kiếm lời khuyên/chăm sóc y tế.

Các tuyên bố phòng ngừa - Lư u trữ:

P405 - Cửa hàng đã bị khóa.

Các tuyên bố phòng ngừa - Xử lý:

P501 - Xử lý chất thải/thùng chứa đến nhà máy xử lý chất thải đư ợc phê duyệt.

PHẦN 3) THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

CAS	Tên hóa học	% theo Trọng lư ợng
0025068-38-6	BISPHENOL A DIGLYCIDYL ETHER POLYMER	64% - 100%
0013463-67-7	TITANIUM DIOXIDE	1,5% - 2,5%
0001333-86-4	CARBON ĐEN	0,2% - 0,4%

PHẦN 4) CÁC BIỆN PHÁP CỨU THƯ ỜNG

Hít vào:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đư a nạn nhân ra nơ i có không khí trong lành và giữ tư thế thoải mái để thở.

Nếu bị phơ i nhiễm/cảm thấy không khỏe/lo lắng: Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ.

Tiếp xúc với da:

Rửa sạch/rửa bằng nư ớc ấm chảy nhẹ và xà phòng nhẹ trong 15-20 phút hoặc cho đến khi sản phẩm đư ợc loại bỏ. Nếu da bị kích ứng hoặc bạn cảm thấy không khỏe: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

Giao tiếp bằng mắt:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đư a ngư ời đó ra nơ i thoáng khí. Rửa mắt cẩn thận bằng nư ớc ấm chảy nhẹ trong vài phút, trong khi giữ cho mí mắt mở. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa trong khoảng thời gian 15-20 phút. Cẩn thận không rửa nư ớc bị ô nhiễm vào mắt không bị ảnh hư ởng hoặc vào mặt. Nếu kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

Tiêu hóa:

Súc miệng. KHÔNG gây nôn. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ. Nếu nôn tự nhiên, hãy nằm nghiêng, ở tư thế hồi phục.

Cho uống 1 hoặc 2 cốc sữa hoặc nư ớc và chuyển ngư ời đó đến nhân viên y tế. Không đư a bất cứ thứ gì vào miệng ngư ời bất tỉnh.

Machine Translated by Google

MỤC 5) BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Nên sử dụng hóa chất khô, bọt, phun nước carbon dioxide hoặc sương mù. Nên phun nước để làm mát hoặc bảo vệ vật liệu hoặc kết cấu tiếp xúc. Carbon dioxide có thể thay thế oxy. Hãy thận trọng khi sử dụng carbon dioxide trong không gian hạn chế. Tránh sử dụng đồng thời bọt và nước trên cùng một bề mặt vì nước sẽ phá hủy bọt. Chỉ có thể sử dụng cát hoặc đất cho các đám cháy nhỏ.

Các mối nguy hiểm cụ thể trong trường hợp hỏa hoạn:

Áp suất hoặc nhiệt độ quá cao có thể gây nổ bình chứa.

Quy trình chữa cháy:

Cô lập khu vực nguy hiểm ngay lập tức và không cho nhân viên không có thẩm quyền ra ngoài. Dừng việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Di chuyển các thùng chứa không bị hư hại khỏi khu vực nguy hiểm ngay lập tức nếu có thể thực hiện an toàn. Phun nước có thể hữu ích trong việc giảm thiểu hoặc phân tán hơi và bảo vệ nhân viên. Nước có thể không hiệu quả nhưng có thể được sử dụng để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt hoặc ngọn lửa. Cần thận trọng khi sử dụng nước hoặc bọt vì có thể xảy ra bọt, đặc biệt là nếu phun vào các thùng chứa chất lỏng nóng, đang cháy.

Xử lý các mảnh vỡ cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm theo đúng quy định của chính quyền.

Hành động bảo vệ đặc biệt:

Đeo thiết bị thở tự cung cấp áp suất bảo vệ (SCBA) và đồ bảo hộ đầy đủ.

Luôn phải cẩn thận khi ở những khu vực có bụi/sương mù.

PHẦN 6) CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TÌNH CỜ

Quy trình khẩn cấp:

LOẠI BỎ mọi nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa ở khu vực xung quanh).
Không chạm hoặc bước qua vật liệu bị đổ.
Cô lập khu vực nguy hiểm và tránh xa những người không cần thiết. Loại bỏ mọi nguồn gây cháy có thể có ở khu vực xung quanh. Thông báo cho chính quyền nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào với công chúng hoặc môi trường xảy ra hoặc có khả năng xảy ra.
Nếu vật liệu bị đổ được làm sạch bằng dung môi được quy định, hỗn hợp chất thải thu được có thể được quy định.

Thiết bị được đề xuất:

Máy thở áp suất dương, trùm kín mặt (SCBA) hoặc máy thở cung cấp khí áp suất dương có bình thở SCBA thoát hiểm (được NIOSH chấp thuận).

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:

Tránh hít phải hơi. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không chạm vào các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ thích hợp.

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Ngăn chặn việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Ngăn không cho vật liệu tràn vào cống rãnh, cống thoát nước mưa, các hệ thống thoát nước trái phép khác và đường thủy tự nhiên bằng cách sử dụng cát, đất hoặc các rào cản thích hợp khác.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:

Thấm vật liệu bằng chất hấp thụ và xúc vào thùng chứa chất thải hóa học. Đậy nắp thùng chứa, nhưng không niêm phong, và di chuyển khỏi khu vực làm việc. Chất thải từ quá trình dọn dẹp tràn dầu có thể tiếp tục được quản lý theo các điều khoản của RCRA và cần được lưu trữ và xử lý như chất thải nguy hại. Đối với các vụ tràn dầu lớn, hãy gọi đến CHEMTREC (Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất) theo số 800-424-9300.

PHẦN 7) XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Tổng quan:

Rửa tay sau khi sử dụng.
Không để dính vào mắt, da hoặc quần áo.
Không hít phải hơi hoặc sương mù.
Áp dụng các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt.
Cấm ăn, uống và hút thuốc ở khu vực làm việc.
Cởi bỏ quần áo và thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn trước khi vào khu vực ăn uống.

Nên bố trí trạm rửa mắt và vòi hoa sen ở những khu vực sử dụng và lưu trữ vật liệu này.

Những người mắc bệnh về đường hô hấp như viêm phế quản mãn tính, khí phế thũng hoặc hen suyễn không nên tiếp xúc với chất này.

Yêu cầu thông gió:

Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ để kiểm soát các chất gây ô nhiễm không khí ở mức giới hạn tiếp xúc của chúng. Khuyến cáo sử dụng thông gió cục bộ để kiểm soát khí thải gần nguồn.

Yêu cầu về phòng lưu trữ:

Đóng chặt hộp đựng và dán nhãn đúng cách. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, ánh nắng trực tiếp và những thứ không tương thích.
Bảo quản trong hộp đựng được chấp thuận và tránh hư hỏng vật lý. Giữ hộp đựng được đậy kín khi không sử dụng.
Lưu trữ trong nhà phải đáp ứng các tiêu chuẩn của OSHA và các quy định phòng cháy chữa cháy phù hợp. Các thùng chứa đã mở phải được niêm phong lại cẩn thận để tránh rò rỉ. Thùng chứa rỗng vẫn còn cặn và có thể nguy hiểm.

Machine Translated by Google

Bảo quản trong các thùng chứa kín để tránh hơi ẩm trong không khí. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát. Bảo quản chất lỏng trong các thùng chứa trên mặt đất và có đê bao quanh để ngăn tràn hoặc rò rỉ.

Không cắt, khoan, mài, hàn hoặc thực hiện các hoạt động tương tự trên hoặc gần thùng chứa.

PHẦN 8) KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ mắt:

Đeo kính bảo vệ mắt bằng tấm chắn bên hông hoặc kính bảo hộ. Đeo kính bảo hộ chống va đập, chống bắn nước và thông gió gián tiếp khi làm việc với chất lỏng. Nếu cần bảo vệ thêm cho toàn bộ khuôn mặt, hãy sử dụng kết hợp với kính bảo hộ.

Bảo vệ da:

Sử dụng găng tay được chấp thuận theo các tiêu chuẩn có liên quan được làm từ các vật liệu sau đây có thể cung cấp khả năng bảo vệ hóa chất phù hợp: Găng tay PVC, cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile. Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu găng tay, độ dày của găng tay, độ khéo léo. Luôn tìm lời khuyên từ các nhà cung cấp găng tay. Nên thay thế găng tay bị nhiễm bẩn.
Nên sử dụng tạp dề và ủng làm bằng vật liệu không thấm hóa chất như cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile để tránh gây kích ứng da. Loại thiết bị bảo vệ phải được lựa chọn theo nồng độ và lượng chất nguy hiểm tại nơi làm việc cụ thể. Giặt quần áo bẩn hoặc xử lý đúng cách vật liệu bị ô nhiễm, không thể khử nhiễm.

Bảo vệ hô hấp:

Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí ở mức đủ để bảo vệ người lao động, cần tuân theo chương trình bảo vệ hô hấp đáp ứng hoặc tương đương với OSHA 29 CFR 1910.134 và ANSI Z88.2. Kiểm tra với các nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.

Sử dụng máy trợ thở cung cấp khí quyển hoặc máy trợ thở lọc không khí để khử hơi hữu cơ .

Kiểm soát kỹ thuật thích hợp:

Cung cấp hệ thống thông gió xả hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ nồng độ hơi trong không khí ở mức dưới ngưỡng giới hạn tương ứng.

Tên hóa học	OSHA HAI (phần triệu)	OSHA HAI (mg/m3)	OSHA STEL (ppm)	OSHA STEL (mg/m3)	OSHA-Bảng-Z1,2,3	OSHA Chất gây ung thư	OSHA Chỉ định da	HAI (phần triệu)	HAI (mg/m3)	STEL (ppm)	STEL (mg/m3)	Chất gây ung thư
CARBON ĐEN		3,5			1				3.5a			1
TITANIUM DIOXIDE		15			1			b				1

Tên hóa học	TWA (ppm)	TWA (mg/m3)	STEL (ppm)	STEL (mg/m3)	Chất gây ung thư	Cơ sở TLV	Ghi chú
CARBON ĐEN		3 (Tối)			A3	Viêm phế quản	A3
TITANIUM DIOXIDE		10			A4	LRT kích hoạt	A4

PHẦN 9) TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Tính chất vật lý và hóa học

Tỉ trọng	9,31 pound/gallon
Trọng lượng riêng	1.12
Quy định VOC	0,00 lb/gallon
VOC Phần A & B	Không có
Vẻ bề ngoài	Chất lỏng có sắc tố
Ngưỡng mùi	Không có
Mô tả mùi	Hóa chất nhẹ
độ pH	Không có
Độ hòa tan trong nước	Không có
Tính dễ cháy	Không có
Biểu tượng điểm chớp cháy	Không có
Điểm chớp cháy	200 °F
Độ nhớt	Không có

Machine Translated by Google

Mức độ nổ thấp hơ n	Không có
Mức độ nổ trên	Không có
Áp suất hơ i	Không có
Mật độ hơ i	Không có
Điểm đóng băng	Không có
Điểm nóng chảy	Không có
Điểm sôi thấp	Không có
Điểm sôi cao	Không có
Nhiệt độ đánh lửa tự động	Không có
Phân hủy Pt	Không có
Tốc độ bốc hơ i	Không có
Hệ số Nư ớc/Dầu	Không có

PHẦN 10) TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Sự ổn định:

Vật liệu ổn định ở nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn.

Các điều kiện cần tránh:

Nhiệt, nhiệt độ cao, ngọn lửa, tia lửa và độ ẩm. Tiếp xúc với các vật liệu không tư ơ ng thích trong hệ thống kín sẽ gây ra sự tích tụ áp suất.

Phản ứng nguy hiểm/Polymer hóa:

Sẽ không xảy ra như ng amin aliphatic sẽ gây ra phản ứng trùng hợp không thể đảo ngư ợc với sự tích tụ nhiệt đáng kể.

Vật liệu không tư ơ ng thích:

Sản phẩm này sẽ phản ứng với các vật liệu như amin, kiềm và axit. Tránh các chất oxy hóa mạnh. Một số phản ứng có thể dữ dội.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:

Sản phẩm cháy: hơ i hữu cơ và các mảnh phân hủy nhiệt.

PHẦN 11) THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Ăn mòn/Kích ứng da:

Tiếp xúc da nhiều lần có thể gây kích ứng dai dẳng hoặc viêm da. Cũng có thể làm trầm trọng thêm tình trạng da hiện có.

Gây kích ứng da

Tổn thư ơ ng/kích ứng mắt nghiêm trọng:

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Nhạy cảm về hô hấp/da:

Tiếp xúc có thể gây kích ứng niêm mạc và đư ờng hô hấp, tức ngực, đau đầu, khó thở và ho khan. Các tác động của tiếp xúc cấp tính có thể chậm trễ trong quá trình khởi phát lên đến 12-24 giờ. Tiếp xúc nhiều lần vư ợt quá giới hạn nghề nghiệp hiện tại có thể gây ra tình trạng nhạy cảm dị ứng ở đư ờng hô hấp. Điều này đư ợc đặc trư ng bởi phản ứng giống như hen suyễn khi tiếp xúc lại với hóa chất. Các triệu chứng có thể bao gồm ho, thở khò khè, khó thở và tức ngực.

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da

Tính gây đột biến tế bào mầm:

Không có dữ liệu.

Tính gây ung thư :

Có thể gây ung thư .

Độc tính sinh sản:

Không có dữ liệu.

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc một lần:

Không có dữ liệu.

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc nhiều lần:

Có thể gây tổn thư ơ ng các cơ quan.

Tiếp xúc nhiều lần thư ờng làm trầm trọng thêm các tình trạng bệnh lý sau: Bệnh tim mạch và Bệnh hô hấp mãn tính.

Machine Translated by Google

Có thể gây tổn thư ơng các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc liên tục.

Nguy cơ hít phải:

Không có dữ liệu.

Độc tính cấp tính:

Tiêu hóa: Có thể xảy ra tình trạng kích ứng hoặc bỏng hóa chất ở miệng, họng, thực quản và dạ dày sau khi tiêu hóa.

0001333-86-4 CARBON ĐEN

LC50 (chuột): 6750 mg/m3 (phơ i nhiễm trong 4 giờ); đư ợc trích dẫn là 27000 mg/m3 (27 mg/L) (phơ i nhiễm trong 1 giờ) (3)

Tiếp xúc mãn tính

0001333-86-4 ĐEN CARBON

TÁC DỤNG GÂY UNG THƯ : Năm 1996, IARC đã đánh giá lại Carbon Black là chất gây ung thư Nhóm 2B. Đánh giá này đư ợc đư a ra cho carbon black mà bằng chứng trên ngư ời chư a đủ, như ng bằng chứng trên động vật là đủ.

Hít phải muội than trong thời gian dài có thể dẫn đến bệnh phổi. Các triệu chứng bao gồm ho, khó thở, thở khò khè và suy giảm chức năng phổi.

Tác động tiềm ẩn đến sức khỏe - Khác

0001333-86-4 ĐEN CARBON

Là chất gây ung thư theo IARC, NTP hoặc OSHA. Đã cho thấy hoạt động gây ung thư ở động vật thí nghiệm ở liều cao. Chư a rõ ý nghĩa đối với con ngư ời. Các tình trạng bệnh lý sau đây có thể trầm trọng hơ n do tiếp xúc: hen suyễn, bệnh đư ờng hô hấp. CẢNH BÁO: Hóa chất này đư ợc Tiểu bang California biết đến là có thể gây ung thư .

0013463-67-7 TITANIUM DIOXIDE

Là chất gây ung thư của IARC, NTP hoặc OSHA. Trong một thử nghiệm hít phải suốt đời, ung thư phổi đã đư ợc tìm thấy ở một số con chuột tiếp xúc với 250 mg/m3 bụi titan có thể hít vào. Phân tích nồng độ titanium dioxide trong phổi của chuột cho thấy cơ chế thanh thải phổi bị quá tải và kết quả ở mức 250 mg/m3 lớn không liên quan đến nơ i làm việc. Kết quả của một nghiên cứu dịch tễ học của DuPont cho thấy những nhân viên đã tiếp xúc với Titanium Dioxide không có nguy cơ mắc ung thư phổi cao hơ n những nhân viên chư a tiếp xúc với Titanium Dioxide. Không có xơ phổi nào đư ợc tìm thấy ở bất kỳ nhân viên nào và không có mối liên hệ nào đư ợc quan sát thấy giữa việc tiếp xúc với Titanium dioxide và bệnh hô hấp mãn tính hoặc bất thư ờng trên phim chụp X-quang. Dựa trên kết quả của nghiên cứu này, DuPont kết luận rằng titanium dioxide sẽ không gây ung thư phổi hoặc bệnh hô hấp mãn tính ở ngư ời ở nồng độ đã trải qua tại nơ i làm việc.

0025068-38-6 BISPHENOL A DIGLYCIDYL ETHER POLYMER

Các tình trạng bệnh lý sau đây có thể trầm trọng hơ n do tiếp xúc: rối loạn da. Các nghiên cứu trong phòng thí nghiệm với chuột đã chỉ ra rằng các sản phẩm chư ng cất từ dầu mỏ có thể gây tổn thư ơng thận và khối u thận hoặc gan. Những tác động này không đư ợc thấy trong các nghiên cứu tư ơng tự với guin

PHẦN 12) THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính:

Độc hại đối với sinh vật dư ới nư ớc

Độc hại với sinh vật thủy sinh và có tác động lâu dài

Tính di động trong đất:

Không có dữ liệu.

Các tác dụng phụ khác:

Không có dữ liệu.

Tiềm năng tích lũy sinh học

0001333-86-4 ĐEN CARBON

Không dự kiến có khả năng tích lũy sinh học đáng kể của cacbon đen dựa trên tính không hòa tan của nó trong dung môi hữu cơ và trong nư ớc. Hơ n nữa, vì đư ờng kính tổng hợp của cacbon đen thay đổi trong khoảng từ 80 nm đến 810 nm nên sự tích tụ sinh học của cacbon đen dạng hạt không có khả năng là do đư ờng kính lớn của các hạt tổng hợp rắn.

Sự bền bỉ và khả năng phân hủy

0001333-86-4 ĐEN CARBON

Tính không hòa tan của Carbon Black trong nư ớc khiến nó không thể phân hủy sinh học trong bất kỳ môi trư ờng hoặc bởi sinh vật nào. Nó đư ợc coi là bền vững trong môi trư ờng tự nhiên.

PHẦN 13) XÉT XỬ LÝ

Xử lý chất thải:

Theo RCRA, ngư ời sử dụng sản phẩm có trách nhiệm xác định thời điểm thải bỏ sản phẩm có đáp ứng tiêu chí RCRA về chất thải nguy hại hay không. Quản lý chất thải phải tuân thủ đầy đủ luật liên bang, tiểu bang và địa phư ơng.

Machine Translated by Google

Các thùng chứa rỗng vẫn còn cặn sản phẩm có thể gây nguy hiểm cho vật liệu, do đó không đư ợc nén, cắt, tráng men, hàn hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Trả lại các thùng phuy cho các trung tâm tái chế để vệ sinh và tái sử dụng đúng cách.

PHẦN 14) THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Thông tin của US DOT:

Không đư ợc quản lý.

Thông tin IMDG:

Không đư ợc quản lý.

Thông tin IATA:

Không đư ợc quản lý.

MỤC 15) THÔNG TIN QUY ĐỊNH

CAS	Tên hóa học	% Theo Trọng Lư ợng	Danh sách quy định
0001333-86-4	CARBON ĐEN	0,2% - 0,4%	SARA312,TSCA,CA_Prop65 - Dự luật 65 của California
0013463-67-7	TITANIUM DIOXIDE	1,5% - 2,5%	SARA312,TSCA,CA_Prop65 - Dự luật 65 của California
0025068-38-6	BISPHENOL A DIGLYCIDYL Ê-TƠ POLYME	64% - 100%	SARA312,TSCA

PHẦN 16) THÔNG TIN KHÁC

BẢNG THUẬT NGỮ:

ACGIH- Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ; ANSI- Viện tiêu chuẩn quốc gia Hoa Kỳ; TDG Canada- Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Canada; CAS- Dịch vụ tóm tắt hóa chất; Chemtrec- Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất (Hoa Kỳ); CHIP- Thông tin và bao bì về mối nguy hiểm của hóa chất; DSL- Danh sách các chất trong nư ớc; EC- Nồng độ tư ơ ng đư ơ ng; EH40 (Anh)- Ghi chú hư ớng dẫn của HSE EH40 Giới hạn phơ i nhiễm nghề nghiệp; EPCRA- Đạo luật về quyền đư ợc biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp; ESL- Mức sàng lọc tác động; HMIS- Dịch vụ thông tin về vật liệu nguy hiểm; LC- Nồng độ gây chết ngư ời; LD- Liều gây chết ngư ời; NFPA- Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia; OEL- Giới hạn phơ i nhiễm nghề nghiệp; OSHA- Cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Bộ lao động Hoa Kỳ; PEL- Giới hạn phơ i nhiễm cho phép; SARA (Tiêu đề III)- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund; SARA 313- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund, Mục 313; SCBA- Thiết bị thở tự cung cấp; STEL- Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn; TCEQ
- Ủy ban Chất lư ợng Môi trư ờng Texas; TLV- Giá trị giới hạn ngư ỡng; TSCA- Luật công số 94-469 của Đạo luật Kiểm soát Chất độc hại; TWA
- Giá trị theo thời gian; US DOT- Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ; WHMIS- Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hiểm tại nơ i làm việc.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Theo hiểu biết của chúng tôi, thông tin có trong đây là chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu trên cũng như bất kỳ công ty con nào của họ đều không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin có trong đây. Việc xác định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ vật liệu nào là trách nhiệm duy nhất của ngư ời dùng. Tất cả các vật liệu đều có thể gây ra những mối nguy hiểm chư a biết và nên sử dụng thận trọng. Mặc dù một số mối nguy hiểm đư ợc mô tả trong đây, chúng tôi không thể đảm bảo rằng đây là những mối nguy hiểm duy nhất hiện hữu. Thông tin trên liên quan đến sản phẩm này theo công thức hiện tại và dựa trên thông tin có sẵn tại thời điểm này. Việc thêm chất khử hoặc các chất phụ gia khác vào sản phẩm này có thể làm thay đổi đáng kể thành phần và mối nguy hiểm của sản phẩm. Vì các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, chúng tôi không đư a ra bất kỳ bảo đảm nào, dù là rõ ràng hay ngụ ý, và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến bất kỳ việc sử dụng thông tin này.

Machine Translated by Google

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Nukote MetalPrime II, Mặt B

Ngày 01 tháng 05 năm 2020

PHẦN 1) SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CỦA NHÀ CUNG CẤP

Mã sản phẩm:	Nukote MetalPrime II, Mặt B		
Tên sản phẩm:	Nukote MetalPrime II, Mặt B		
Ngày sửa đổi:	Ngày 01 tháng 05 năm 2020	Ngày in:	Ngày 07 tháng 05 năm 2020
Phiên bản:	1.0	Ngày thay thế:	Không có
Tên nhà sản xuất:	Hệ thống phủ Nukote		
Địa chỉ :	2051 Đường Reliance, Bedford, TX 76021		
Điện thoại khẩn cấp:	Chemtrec:800-424-9300 (tài khoản: CCN1217) HOẶC Quốc tế:703-527-3887 (tài khoản: CCN1217)		
Thông tin Điện thoại:	(832) 770-7100		
Fax:	(281) 227-0909		

Sản phẩm/Công dụng khuyến nghị: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Bảng dữ liệu kỹ thuật của sản phẩm.

PHẦN 2) NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại:

Ăn mòn da - Loại 1B

Tổn thương mắt nghiêm trọng - Loại 1

Độc tính cấp tính (Hít phải) - Loại 4

Chất gây nhạy cảm da - Loại 1B

Độc tính mãn tính trong nước - Loại 3

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh - Loại 2

Độc tính cấp tính Loại da 4

Độc tính cấp tính Đường uống Loại 4

Biểu tượng:




Từ tín hiệu:

Sự nguy hiểm

Các tuyên bố nguy hiểm - Sức khỏe:

H332 - Có hại nếu hít phải

H302 - Có hại nếu nuốt phải

H312 - Có hại khi tiếp xúc với da

H314 - Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt

H318 - Gây tổn thương mắt nghiêm trọng

H317 - Có thể gây phản ứng dị ứng da

Tuyên bố nguy hiểm - Môi trường:

H401 - Độc hại với sinh vật thủy sinh

H412 - Có hại cho sinh vật thủy sinh với tác động lâu dài

Các tuyên bố phòng ngừa - Chung: P101 - Nếu cần tư vấn y tế, hãy chuẩn bị sẵn nhãn hoặc hộp đựng sản phẩm.

P102 - Để xa tầm tay trẻ em.

Machine Translated by Google

P103 - Đọc nhãn trư ớc khi sử dụng.

Các tuyên bố phòng ngừa - Phòng ngừa:

P273 - Tránh thải ra môi trư ờng.

P271 - Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơ i thông gió tốt.

P264 - Rửa sạch sau khi xử lý.

P280 - Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

P260 - Không hít bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P261 - Tránh hít phải bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P272 - Không đư ợc phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơ i làm việc.

Các tuyên bố phòng ngừa - Phản hồi:

P302 + P301 + P352 + P312 + P312 - NẾU DÍNH VÀO DA: NẾU NUỐT PHẢI: Rửa sạch bằng nhiều nư ớc. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P321 - Điều trị đặc hiệu (xem phần 4 trên SDS này).

P362 + P364 + P312 - Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc. Và giặt sạch trư ớc khi sử dụng lại. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P301 + P330 + P331 - NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG gây nôn.

P303 + P361 + P353 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nư ớc [hoặc tắm].

P363 - Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trư ớc khi sử dụng lại.

P304 + P340 - NẾU HÍT PHẢI: Đư a nạn nhân ra nơ i thoáng khí và giữ tư thế thoải mái để thở.

P310 - Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ.

P305 + P351 + P338 - NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nư ớc trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng nhiều nư ớc.

P333 + P313 - Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Và giặt sạch trư ớc khi sử dụng lại.

Các tuyên bố phòng ngừa - Lư u trữ:

P405 - Cửa hàng đã bị khóa.

Các tuyên bố phòng ngừa - Xử lý:

P501 - Xử lý chất thải/thùng chứa đến nhà máy xử lý chất thải đư ợc phê duyệt.

PHẦN 3) THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

CAS	Tên hóa học	% theo Trọng lư ợng
0000100-51-6	CỒN BENZYL	28% - 51%
0135108-88-2	FORMALDEHYDE, POLYMER VỚI BENZENAMINE, HYDRO HÓA	20% - 37%
0001477-55-0	METHYLAMINE, M-PHENYLENE BIS	14% - 25%
0000103-23-1	DI(2-ETHYLHEXYL)ADIPATE	3% - 6%
0000090-72-2	2,4,6-TRI(DIMETHYLAMINOMETHYL) PHENOL	1,7% - 2,8%

PHẦN 4) CÁC BIỆN PHÁP CỨU THƯ ỜNG

Hít vào:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đư a nạn nhân ra nơ i có không khí trong lành và giữ tư thế thoải mái để thở.

Nếu bị phơ i nhiễm/cảm thấy không khỏe/lo lắng: Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ.

Tiếp xúc với da:

Rửa sạch/rửa bằng nư ớc ấm chảy nhẹ và xà phòng nhẹ trong 15-20 phút hoặc cho đến khi sản phẩm đư ợc loại bỏ. Nếu da bị kích ứng hoặc bạn cảm thấy không khỏe: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

Giao tiếp bằng mắt:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đư a ngư ời đó ra nơ i thoáng khí. Rửa mắt cẩn thận bằng nư ớc ấm chảy nhẹ trong vài phút, trong khi giữ cho mí mắt mở. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa trong khoảng thời gian 15-20 phút. Cẩn thận không rửa nư ớc bị ô nhiễm vào mắt không bị ảnh hư ởng hoặc vào mặt. Nếu kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

Machine Translated by Google

Tiêu hóa:

Súc miệng. KHÔNG gây nôn. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ. Nếu nôn tự nhiên, hãy nằm nghiêng, ở tư thế hồi phục.

Cho uống 3 hoặc 4 cốc nước. Không bao giờ cho người bất tỉnh uống bất cứ thứ gì.

MỤC 5) BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Nên sử dụng hóa chất khô, bọt, phun nước carbon dioxide hoặc sương mù. Nên phun nước để làm mát hoặc bảo vệ vật liệu hoặc kết cấu tiếp xúc. Carbon dioxide có thể thay thế oxy. Hãy thận trọng khi sử dụng carbon dioxide trong không gian hạn chế. Tránh sử dụng đồng thời bọt và nước trên cùng một bề mặt vì nước sẽ phá hủy bọt. Chỉ có thể sử dụng cát hoặc đất cho các đám cháy nhỏ.

Các mối nguy hiểm cụ thể trong trường hợp hỏa hoạn:

Áp suất hoặc nhiệt độ quá cao có thể gây nổ bình chứa.

Quy trình chữa cháy:

Cô lập khu vực nguy hiểm ngay lập tức và không cho nhân viên không có thẩm quyền ra ngoài. Dừng việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Di chuyển các thùng chứa không bị hư hại khỏi khu vực nguy hiểm ngay lập tức nếu có thể thực hiện an toàn. Phun nước có thể hữu ích trong việc giảm thiểu hoặc phân tán hơi và bảo vệ nhân viên. Nước có thể không hiệu quả nhưng có thể được sử dụng để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt hoặc ngọn lửa. Cần thận trọng khi sử dụng nước hoặc bọt vì có thể xảy ra bọt, đặc biệt là nếu phun vào các thùng chứa chất lỏng nóng, đang cháy.

Xử lý các mảnh vỡ cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm theo đúng quy định của chính quyền.

Hành động bảo vệ đặc biệt:

Đeo thiết bị thở tự cung cấp áp suất bảo vệ (SCBA) và đồ bảo hộ đầy đủ.

Luôn phải cẩn thận khi ở những khu vực có bụi/sương mù.

PHẦN 6) CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TÌNH CỜ

Quy trình khẩn cấp:

LOẠI BỎ mọi nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa ở khu vực xung quanh).
Không chạm hoặc bước qua vật liệu bị đổ.
Cô lập khu vực nguy hiểm và tránh xa những người không cần thiết. Loại bỏ mọi nguồn gây cháy có thể có ở khu vực xung quanh. Thông báo cho chính quyền nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào với công chúng hoặc môi trường xảy ra hoặc có khả năng xảy ra.
Nếu vật liệu bị đổ được làm sạch bằng dung môi được quy định, hỗn hợp chất thải thu được có thể được quy định.

Thiết bị được đề xuất:

Máy thở áp suất dương, trùm kín mặt (SCBA) hoặc máy thở cung cấp khí áp suất dương có bình thở SCBA thoát hiểm (được NIOSH chấp thuận).

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:

Tránh hít phải hơi. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không chạm vào các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ thích hợp.

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Ngăn chặn việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Ngăn không cho vật liệu tràn vào cống rãnh, cống thoát nước mưa, các hệ thống thoát nước trái phép khác và đường thủy tự nhiên bằng cách sử dụng cát, đất hoặc các rào cản thích hợp khác.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:

Thấm vật liệu bằng chất hấp thụ và xúc vào thùng chứa chất thải hóa học. Đậy nắp thùng chứa, nhưng không niêm phong, và di chuyển khỏi khu vực làm việc. Chất thải từ quá trình dọn dẹp tràn dầu có thể tiếp tục được quản lý theo các điều khoản của RCRA và cần được lưu trữ và xử lý như chất thải nguy hại. Đối với các vụ tràn dầu lớn, hãy gọi đến CHEMTREC (Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất) theo số 800-424-9300.

PHẦN 7) XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Tổng quan:

Rửa tay sau khi sử dụng.
Không để dính vào mắt, da hoặc quần áo.
Không hít phải hơi hoặc sương mù.
Áp dụng các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt.
Cấm ăn, uống và hút thuốc ở khu vực làm việc.
Cởi bỏ quần áo và thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn trước khi vào khu vực ăn uống.

Nên bố trí trạm rửa mắt và vòi hoa sen ở những khu vực sử dụng và lưu trữ vật liệu này.

Những người mắc bệnh về đường hô hấp như viêm phế quản mãn tính, khí phế thũng hoặc hen suyễn không nên tiếp xúc với chất này.

Yêu cầu thông gió:

Machine Translated by Google

Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ để kiểm soát các chất gây ô nhiễm không khí ở mức giới hạn tiếp xúc của chúng. Khuyến nghị sử dụng thông gió cục bộ để kiểm soát khí thải gần nguồn.

Yêu cầu về phòng lư u trữ:

Đóng chặt hộp đựng và dán nhãn đúng cách. Bảo quản ở nơ i khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, ánh nắng trực tiếp và những thứ không tư ơ ng thích. Bảo quản trong hộp đựng đư ợc chấp thuận và tránh hư hỏng vật lý. Giữ hộp đựng đư ợc đậy kín khi không sử dụng.
Lư u trữ trong nhà phải đáp ứng các tiêu chuẩn của OSHA và các quy định phòng cháy chữa cháy phù hợp. Các thùng chứa đã mở phải đư ợc niêm phong lại cẩn thận để tránh rò rỉ. Thùng chứa rỗng vẫn còn cặn và có thể nguy hiểm.

Bảo quản trong các thùng chứa kín để tránh hơ i ẩm trong không khí. Bảo quản ở nơ i khô ráo, thoáng mát. Bảo quản chất lỏng trong các thùng chứa trên mặt đất và có đê bao quanh để ngăn tràn hoặc rò rỉ.

Không cắt, khoan, mài, hàn hoặc thực hiện các hoạt động tư ơ ng tự trên hoặc gần thùng chứa.

PHẦN 8) KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ mắt:

Đeo kính bảo vệ mắt bằng tấm chắn bên hông hoặc kính bảo hộ. Đeo kính bảo hộ chống va đập, chống bắn nư ớc và thông gió gián tiếp khi làm việc với chất lỏng. Nếu cần bảo vệ thêm cho toàn bộ khuôn mặt, hãy sử dụng kết hợp với kính bảo hộ.

Bảo vệ da:

Sử dụng găng tay đư ợc chấp thuận theo các tiêu chuẩn có liên quan đư ợc làm từ các vật liệu sau đây có thể cung cấp khả năng bảo vệ hóa chất phù hợp: Găng tay PVC, cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile. Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu găng tay, độ dày của găng tay, độ khéo léo. Luôn tìm lời khuyên từ các nhà cung cấp găng tay. Nên thay thế găng tay bị nhiễm bẩn.
Nên sử dụng tạp dề và ủng làm bằng vật liệu không thấm hóa chất như cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile để tránh gây kích ứng da. Loại thiết bị bảo vệ phải đư ợc lựa chọn theo nồng độ và lư ợng chất nguy hiểm tại nơ i làm việc cụ thể. Giặt quần áo bẩn hoặc xử lý đúng cách vật liệu bị ô nhiễm, không thể khử nhiễm.

Bảo vệ hô hấp:

Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí ở mức đủ để bảo vệ ngư ời lao động, cần tuân theo chư ơ ng trình bảo vệ hô hấp đáp ứng hoặc tư ơ ng đư ơ ng với OSHA 29 CFR 1910.134 và ANSI Z88.2. Kiểm tra với các nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.

Ở những khu vực thông gió kém, nên sử dụng mặt nạ phòng độc đư ợc NIOSH chấp thuận cho hơ i hữu cơ trong các trư ờng hợp sau: tình huống khẩn cấp, khi nồng độ hơ i sản phẩm lớn hơ n 20 ppm trong thời gian dài hơ n 15 phút, trong quá trình sửa chữa và vệ sinh thiết bị, trong quá trình chuyển hoặc xả sản phẩm.

Kiểm soát kỹ thuật thích hợp:

Cung cấp hệ thống thông gió xả hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ nồng độ hơ i trong không khí ở mức dư ới ngư ỡng giới hạn tư ơ ng ứng.

Tên hóa học	OSHA HAI (phần triệu)	OSHA HAI (mg/m3)	OSHA STEL (ppm)	OSHA STEL (mg/m3)	OSHA-Bảng-Z1,2,3	OSHA Chất gây ung thư	OSHA Chỉ định da	HAI (phần triệu)	HAI (mg/m3)	STEL (ppm)	STEL (mg/m3)	Chất gây ung thư
METHYLAMINE, M-PHENYLENE BIS												

Tên hóa học	HAI (phần triệu)	HAI (mg/m3)	STEL (ppm)	STEL (mg/m3)	Chất gây ung thư	Cơ sở TLV	Ghi chú
METHYLAMINE, M-PHENYLENE BIS				C0,1		Mất, da, GI irr	Da

PHẦN 9) TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Tính chất vật lý và hóa học

Tỉ trọng	8,85 pound/gallon
Trọng lư ợng riêng	1.06
Quy định VOC	0,00 lb/gallon
VOC Phần A & B	Không có
Vẻ bề ngoài	Chất lỏng màu hổ phách
Ngư ỡng mùi	Không có
Mô tả mùi	Mùi thơ m
độ pH	Không có
Độ hòa tan trong nư ớc	Không có

Machine Translated by Google

Tính dễ cháy	Không có
Biểu tư ợng điểm chớp cháy	Không có
Điểm chớp cháy	200 °F
Độ nhớt	Không có
Mức độ nổ thấp hơ n	Không có
Mức độ nổ trên	Không có
Áp suất hơ i	Không có
Mật độ hơ i	Không có
Điểm đóng băng	Không có
Điểm nóng chảy	Không có
Điểm sôi thấp	375 °F
Điểm sôi cao	Không có
Nhiệt độ đánh lửa tự động	Không có
Phân hủy Pt	Không có
Tốc độ bốc hơ i	Không có
Hệ số Nư ớc/Dầu	Không có

PHẦN 10) TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Sự ổn định:

Vật liệu ổn định ở nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn.

Các điều kiện cần tránh:

Nhiệt, nhiệt độ cao, ngọn lửa, tia lửa và độ ẩm. Tiếp xúc với các vật liệu không tư ơ ng thích trong hệ thống kín sẽ gây ra sự tích tụ áp suất.

Phản ứng nguy hiểm/Polymer hóa:

Sẽ không xảy ra.

Vật liệu không tư ơ ng thích:

Sản phẩm này sẽ phản ứng với epoxy, isocyanat và các chất oxy hóa mạnh. Một số phản ứng có thể dữ dội.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:

Sản phẩm cháy: hơ i hữu cơ và các mảnh phân hủy nhiệt.

PHẦN 11) THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Ăn mòn/Kích ứng da:

Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thư ơ ng mắt

Tổn thư ơ ng/kích ứng mắt nghiêm trọng:

Bất kỳ tiếp xúc nào cũng không đư ợc bỏ qua mà không xử lý.

Gây tổn thư ơ ng mắt nghiêm trọng

Tính gây ung thư :

Không có dữ liệu có sẵn

Nhạy cảm về hô hấp/da:

Tiếp xúc có thể gây kích ứng niêm mạc và đư ờng hô hấp, tức ngực, đau đầu, khó thở và ho khan. Các tác động của tiếp xúc cấp tính có thể chậm trễ trong quá trình khởi phát lên đến 12-24 giờ. Tiếp xúc nhiều lần vư ợt quá giới hạn nghề nghiệp hiện tại có thể gây ra tình trạng nhạy cảm dị ứng ở đư ờng hô hấp. Điều này đư ợc đặc trư ng bởi phản ứng giống như hen suyễn khi tiếp xúc lại với hóa chất. Các triệu chứng có thể bao gồm ho, thở khò khè, khó thở và tức ngực.

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da

Tính gây đột biến tế bào mầm:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính sinh sản:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc một lần:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc nhiều lần:

Machine Translated by Google

Tiếp xúc nhiều lần thư ờng làm trầm trọng thêm các tình trạng bệnh lý sau: Bệnh tim mạch và Bệnh hô hấp mãn tính.

Nguy cơ hít phải:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính cấp tính:

Nếu nuốt phải: Ở ngư ời, sau khi nuốt phải có thể gây kích ứng hoặc bỏng hóa chất ở miệng, họng, thực quản và dạ dày, tổn thư ơ ng có thể nghiêm trọng và gây tử vong.

Có hại nếu hít phải.

PHẦN 12) THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính:

Độc hại đối với sinh vật dư ới nư ớc

Có hại cho sinh vật thủy sinh với tác động lâu dài

Độ bền và khả năng phân hủy:

Không có dữ liệu.

Tiềm năng tích lũy sinh học:

Không có dữ liệu.

Tính di động trong đất:

Không có dữ liệu.

Các tác dụng phụ khác:

Không có dữ liệu.

PHẦN 13) XÉT XỬ LÝ

Xử lý chất thải:

Theo RCRA, ngư ời sử dụng sản phẩm có trách nhiệm xác định thời điểm thải bỏ sản phẩm có đáp ứng tiêu chí RCRA về chất thải nguy hại hay không. Quản lý chất thải phải tuân thủ đầy đủ luật liên bang, tiểu bang và địa phư ơ ng.

Các thùng chứa rỗng vẫn còn cặn sản phẩm có thể gây nguy hiểm cho vật liệu, do đó không đư ợc nén, cắt, tráng men, hàn hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Trả lại các thùng phuy cho các trung tâm tái chế để vệ sinh và tái sử dụng đúng cách.

PHẦN 14) THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Thông tin của US DOT:

Tên vận chuyển: Amin, chất lỏng, ăn mòn, số (M-PHENYLENE BIS METHYLAMINE)
UN/NA #: 2735 Lớp
nguy hiểm: 8 Nhóm đóng gói: III Biển báo: Ăn
mòn

Thông tin IMDG:

Tên vận chuyển: Amin, chất lỏng, ăn mòn, số (M-PHENYLENE BIS METHYLAMINE)
UN/NA #: 2735 Lớp
nguy hiểm: 8 Nhóm đóng gói: III Biển báo: Ăn
mòn

Thông tin IATA:

Tên vận chuyển: Amin, chất lỏng, ăn mòn, số (M-PHENYLENE BIS METHYLAMINE)
UN/NA #: 2735 Lớp
nguy hiểm: 8 Nhóm đóng gói: III Biển báo: Ăn
mòn

MỤC 15) THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Machine Translated by Google

CAS	Tên hóa học	% Theo Trọng Lượng	Danh sách quy định
0000090-72-2	2,4,6-BA (DIMETHYLAMINOMETHYL) PHÊN TỐ	1,7% - 2,8%	SARA312,TSCA
0000100-51-6	CỒN BENZYL	28% - 51%	SARA312, VOC, TSCA
0000103-23-1	DI(2-ETHYLHEXYL) ADIPATE	3% - 6%	SARA312,TSCA
0001477-55-0	METHYLAMINE, M-PHENYLENE BIS	14% - 25%	SARA312,TSCA
0135108-88-2	FORMALDEHYDE, POLYMER VỚI BENZENAMINE, HYDRO HÓA	20% - 37%	SARA312,TSCA

PHẦN 16) THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN KHÁC:

Lưu ý: Theo GHS, loại 1 là mức độ nguy hiểm cao nhất trong mỗi loại.

BẢNG THUẬT NGỮ:

ACGIH- Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ; ANSI- Viện tiêu chuẩn quốc gia Hoa Kỳ; TDG Canada- Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Canada; CAS- Dịch vụ tóm tắt hóa chất; Chemtrec- Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất (Hoa Kỳ); CHIP- Thông tin và bao bì về mối nguy hiểm của hóa chất; DSL- Danh sách các chất trong nước; EC- Nồng độ tương ứng; EH40 (Anh)- Ghi chú hướng dẫn của HSE EH40 Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp; EPCRA- Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp; ESL- Mức sàng lọc tác động; HMIS- Dịch vụ thông tin về vật liệu nguy hiểm; LC- Nồng độ gây chết người; LD- Liều gây chết người; NFPA- Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia; OEL- Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp; OSHA- Cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Bộ lao động Hoa Kỳ; PEL- Giới hạn phơi nhiễm cho phép; SARA (Tiêu đề III)- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund; SARA 313- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund, Mục 313; SCBA- Thiết bị thở tự cung cấp; STEL- Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn; TCEQ - Ủy ban Chất lượng Môi trường Texas; TLV- Giá trị giới hạn ngưỡng; TSCA- Luật công số 94-469 của Đạo luật Kiểm soát Chất độc hại; TWA - Giá trị theo thời gian; US DOT- Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ; WHMIS- Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hiểm tại nơi làm việc.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Theo hiểu biết của chúng tôi, thông tin có trong đây là chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu trên cũng như bất kỳ công ty con nào của họ đều không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin có trong đây. Việc xác định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ vật liệu nào là trách nhiệm duy nhất của người dùng. Tất cả các vật liệu đều có thể gây ra những mối nguy hiểm chưa biết và nên sử dụng thận trọng. Mặc dù một số mối nguy hiểm được mô tả trong đây, chúng tôi không thể đảm bảo rằng đây là những mối nguy hiểm duy nhất hiện hữu. Thông tin trên liên quan đến sản phẩm này theo công thức hiện tại và dựa trên thông tin có sẵn tại thời điểm này. Việc thêm chất khử hoặc các chất phụ gia khác vào sản phẩm này có thể làm thay đổi đáng kể thành phần và mối nguy hiểm của sản phẩm. Vì các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, chúng tôi không đưa ra bất kỳ bảo đảm nào, dù là rõ ràng hay ngụ ý, và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến bất kỳ việc sử dụng thông tin này.